

VĂN BẢN HỢP NHẤT**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**THÔNG TƯ****Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Chức danh giáo sư nhà nước, các Hội đồng Chức danh giáo sư ngành, liên ngành và Hội đồng Chức danh giáo sư cơ sở**

Thông tư số 25/2013/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Chức danh giáo sư nhà nước, các Hội đồng Chức danh giáo sư ngành, liên ngành và Hội đồng Chức danh giáo sư cơ sở, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 8 năm 2013, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 05/2014/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung của Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Chức danh giáo sư nhà nước, các Hội đồng Chức danh giáo sư ngành, liên ngành và Hội đồng Chức danh giáo sư cơ sở ban hành kèm theo Thông tư số 25/2013/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 4 năm 2014.

Căn cứ Nghị định số 36/2012/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 32/2008/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 174/2008/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định tiêu chuẩn, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư;

Căn cứ Quyết định số 20/2012/QĐ-TTg ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của “Quy định tiêu chuẩn, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư” ban hành kèm theo Quyết định số 174/2008/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ.

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Chức danh giáo sư nhà nước, các Hội đồng Chức danh giáo sư ngành, liên ngành và Hội đồng Chức danh giáo sư cơ sở¹:

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Chức danh giáo sư nhà nước, các Hội đồng Chức danh giáo sư ngành, liên ngành và Hội đồng Chức danh giáo sư cơ sở.

Điều 2². Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 8 năm 2013 và thay thế Quyết định số 3932/QĐ-BGDĐT ngày 02 tháng 6 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Chức

¹ *Thông tư số 05/2014/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Chức danh giáo sư nhà nước, các Hội đồng Chức danh giáo sư ngành, liên ngành và Hội đồng Chức danh giáo sư cơ sở ban hành kèm theo Thông tư số 25/2013/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo có căn cứ ban hành như sau:*

“Căn cứ Nghị định số 36/2012/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ;

Căn cứ Nghị định số 32/2008/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 141/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 174/2008/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư; Quyết định số 20/2012/QĐ-TTg ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của “Quy định tiêu chuẩn, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư” ban hành kèm theo Quyết định số 174/2008/QĐ-TTg;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Chức danh giáo sư nhà nước, các Hội đồng Chức danh giáo sư ngành, liên ngành và Hội đồng Chức danh giáo sư cơ sở ban hành kèm theo Thông tư số 25/2013/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.”

² *Thông tư số 05/2014/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Chức danh giáo sư nhà nước, các Hội đồng Chức danh giáo sư ngành, liên ngành và Hội đồng Chức danh giáo sư cơ sở ban hành kèm theo Thông tư số 25/2013/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 4 năm 2014 quy định như sau:*

“Điều 2. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 4 năm 2014.

Điều 3. *Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Cục trưởng Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thủ trưởng các cơ quan chủ quản cơ sở giáo dục đại học, Chủ tịch Hội đồng Chức danh giáo sư nhà nước, Thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này”.*

danh giáo sư nhà nước, các Hội đồng Chức danh giáo sư ngành, liên ngành và Hội đồng Chức danh giáo sư cơ sở.

Điều 3. Các ông (bà) Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Cục trưởng Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thủ trưởng các cơ quan chủ quản cơ sở giáo dục đại học, Chủ tịch Hội đồng Chức danh giáo sư nhà nước, Thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Số: 13/VBHN-BGDĐT

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2014

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Bùi Văn Ga

QUY CHẾ
Tổ chức và hoạt động của Hội đồng Chức danh giáo sư nhà nước,
các Hội đồng Chức danh giáo sư ngành, liên ngành
và Hội đồng Chức danh giáo sư cơ sở

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng Chức danh giáo sư (sau đây viết tắt là HĐCDGS) nhà nước, các Hội đồng Chức danh giáo sư ngành, liên ngành (sau đây viết tắt là HĐCDGS ngành) và Hội đồng Chức danh giáo sư cơ sở.

2. Quy chế này áp dụng đối với Hội đồng Chức danh giáo sư nhà nước, các Hội đồng Chức danh giáo sư ngành, liên ngành và Hội đồng Chức danh giáo sư cơ sở; các cá nhân và tổ chức có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc làm việc của các HĐCDGS

1. Tập thể biểu quyết công khai hoặc bỏ phiếu kín tại các phiên họp để quyết nghị những vấn đề liên quan đến thực hiện nhiệm vụ của HĐCDGS.

2. Các phiên họp của HĐCDGS chỉ tiến hành khi có ít nhất 3/4 thành viên HĐCDGS có mặt và dự họp; HĐCDGS chỉ bỏ phiếu 01 lần cho ứng viên được đề nghị xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh GS, PGS hoặc hủy bỏ công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh GS, PGS.

3. HĐCDGS họp định kỳ hoặc đột xuất theo đề nghị của Chủ tịch HĐCDGS hoặc theo đề nghị của trên 1/2 tổng số thành viên của HĐCDGS để thảo luận và quyết nghị những vấn đề liên quan đến thực hiện nhiệm vụ của HĐCDGS.

4. Các cuộc họp định kỳ hoặc đột xuất của HĐCDGS được tiến hành theo các hình thức: Tổ chức họp trực tiếp; họp qua mạng (thông tin truyền thông); lấy ý kiến bằng văn bản.

Chương II
HỘI ĐỒNG CHỨC DANH GIÁO SƯ NHÀ NƯỚC

Điều 3. Thường trực HĐCDGS nhà nước

1. Thường trực HĐCDGS nhà nước gồm Chủ tịch hội đồng, Phó Chủ tịch hội đồng và Tổng thư ký hội đồng.

2. Thường trực HĐCDGS nhà nước chịu trách nhiệm giải quyết các công việc thường xuyên của HĐCDGS nhà nước và giữa hai kỳ họp của HĐCDGS nhà nước; tổ chức, chỉ đạo và hướng dẫn hoạt động của các HĐCDGS ngành và HĐCDGS cơ sở.

Điều 4. Tiêu chuẩn thành viên HĐCDGS nhà nước

1. Là giáo sư (sau đây viết tắt là GS), có uy tín khoa học, đang tham gia đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và nghiên cứu khoa học.

2. Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, lý lịch rõ ràng; có trách nhiệm trong việc thẩm định, đánh giá hồ sơ xét công nhận, hủy bỏ công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh GS, phó giáo sư (sau đây viết tắt là PGS).

3³. Có đủ sức khỏe và thời gian để thực hiện nhiệm vụ của HĐCDGS nhà nước; tuổi của thành viên HĐCDGS nhà nước tính đến thời điểm được bổ nhiệm không quá 70. Trường hợp đặc biệt, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

4. Nếu thành viên HĐCDGS nhà nước không còn đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều này hoặc bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên thì Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định miễn nhiệm và bổ nhiệm người thay thế.

Điều 5. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐCDGS nhà nước

1. Xét, thẩm định tập thể hồ sơ các ứng viên trong danh sách đề nghị của các HĐCDGS ngành để công nhận và cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn chức danh GS, PGS.

2. Xét hủy bỏ công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh GS, PGS của ứng viên đã được công nhận nhưng bị phát hiện là không đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 8, Điều 9, Điều 10 của Quy định tiêu chuẩn, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh GS, PGS ban hành kèm theo Quyết định 174/2008/QĐ-TTg và quy định tại Khoản 3, Khoản 4, Khoản 5 Điều 1 Quyết định số 20/2012/QĐ-TTg.

3. Tổ chức, hướng dẫn và chỉ đạo hoạt động của các HĐCDGS ngành và HĐCDGS cơ sở; quy định thống nhất các mẫu hồ sơ trình HĐCDGS nhà nước.

4. Tiếp nhận, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo liên quan đến xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh GS, PGS và công việc của HĐCDGS theo quy định của pháp luật.

5. Nhiệm kỳ hoạt động của HĐCDGS nhà nước là 5 năm.

³ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 05/2014/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Chức danh giáo sư nhà nước, các Hội đồng Chức danh giáo sư ngành, liên ngành và Hội đồng Chức danh giáo sư cơ sở ban hành kèm theo Thông tư số 25/2013/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 4 năm 2014.

Điều 6. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch HĐCDGS nhà nước

1. Chủ trì các kỳ họp của HĐCDGS nhà nước.
2. Thay mặt Hội đồng ký các quyết định và Giấy công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư, phó giáo sư theo nghị quyết của HĐCDGS nhà nước.
3. Chủ trì giải quyết các công việc của HĐCDGS nhà nước giữa hai kỳ họp.
4. Quyết định thành lập và bổ nhiệm các thành viên HĐCDGS ngành và HĐCDGS cơ sở; chỉ đạo và kiểm tra hoạt động của các HĐCDGS ngành và HĐCDGS cơ sở.
5. Tham gia công việc của HĐCDGS nhà nước với tư cách là thành viên Hội đồng.
6. Hưởng phụ cấp kiêm nhiệm Chủ tịch HĐCDGS nhà nước.

Điều 7. Nhiệm vụ và quyền hạn của Phó Chủ tịch HĐCDGS nhà nước

1. Thay mặt Chủ tịch HĐCDGS nhà nước thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 6 của Quy chế này khi được Chủ tịch HĐCDGS nhà nước ủy quyền (hoặc khi Chủ tịch HĐCDGS nhà nước vắng mặt).
2. Cùng Chủ tịch HĐCDGS nhà nước và Tổng thư ký hội đồng giải quyết các công việc của HĐCDGS nhà nước giữa hai kỳ họp của Hội đồng và theo phân công của Chủ tịch HĐCDGS nhà nước.
3. Tham gia công việc của HĐCDGS nhà nước với tư cách thành viên Hội đồng.
4. Hưởng phụ cấp kiêm nhiệm Phó Chủ tịch HĐCDGS nhà nước.

Điều 8. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng thư ký HĐCDGS nhà nước

1. Thay mặt Thường trực HĐCDGS nhà nước giải quyết các công việc thường xuyên của HĐCDGS nhà nước và những việc có liên quan khác khi được Chủ tịch và Phó Chủ tịch HĐCDGS nhà nước ủy quyền.
2. Cùng Chủ tịch và Phó chủ tịch HĐCDGS nhà nước tổ chức các hoạt động và giải quyết các công việc của HĐCDGS nhà nước, hướng dẫn hoạt động của các HĐCDGS ngành và HĐCDGS cơ sở.
3. Trực tiếp quản lý, điều hành Văn phòng HĐCDGS nhà nước; thực hiện các chế độ, chính sách đối với cán bộ, nhân viên công tác tại Văn phòng HĐCDGS nhà nước.
4. Tham gia công việc của HĐCDGS nhà nước với tư cách thành viên Hội đồng.
5. Hưởng lương và phụ cấp trách nhiệm chuyên trách Tổng thư ký HĐCDGS nhà nước.

Điều 9. Nhiệm vụ và quyền hạn của ủy viên HĐCDGS nhà nước

1. Ủy viên HĐCDGS nhà nước là Chủ tịch HĐCDGS ngành, làm việc theo chế độ kiêm nhiệm.
2. Chịu trách nhiệm điều hành hoạt động của HĐCDGS ngành được phân công và thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Thường trực HĐCDGS nhà nước.
3. Tham gia công việc của HĐCDGS nhà nước với tư cách thành viên Hội đồng.
4. Được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm ủy viên HĐCDGS nhà nước.

**Chương III
HỘI ĐỒNG CHỨC DANH GIÁO SƯ NGÀNH****Điều 10. Tổ chức của HĐCDGS ngành**

1. Mỗi HĐCDGS ngành có từ 9 (chín) đến 15 (mười lăm) thành viên. Số lượng thành viên của cùng một cơ sở giáo dục đại học trong một HĐCDGS ngành không quá 3 (ba) người; trường hợp đặc biệt do Chủ tịch HĐCDGS nhà nước xem xét, quyết định.
2. Thường trực HĐCDGS ngành gồm Chủ tịch HĐCDGS ngành, Phó Chủ tịch HĐCDGS ngành và ủy viên Thư ký HĐCDGS ngành, chịu trách nhiệm giải quyết các công việc thường xuyên của HĐCDGS ngành và giữa hai kỳ họp của HĐCDGS ngành.
3. HĐCDGS ngành có tổ giúp việc do Chủ tịch HĐCDGS ngành chỉ định.
4. Nhiệm kỳ hoạt động của HĐCDGS ngành theo nhiệm kỳ hoạt động của HĐCDGS nhà nước (5 năm).

Điều 11. Tiêu chuẩn thành viên HĐCDGS ngành

1. Là GS, có uy tín khoa học, đang tham gia đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và nghiên cứu khoa học. Trong trường hợp không đủ số GS tham gia thì một số thành viên có thể là PGS nhưng không quá 1/3 tổng số thành viên của HĐCDGS ngành.
2. Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐCDGS ngành phải là GS.
3. Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, lý lịch rõ ràng; có trách nhiệm trong việc thẩm định, đánh giá hồ sơ xét công nhận, hủy bỏ công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh GS, PGS.

4⁴. Có đủ sức khỏe và thời gian để thực hiện nhiệm vụ của HĐCDGS ngành; tuổi của thành viên HĐCDGS ngành tính đến thời điểm được bổ nhiệm đối với thành viên có chức danh PGS không quá 67, đối với thành viên có chức danh GS không quá 70.

5. Nếu thành viên HĐCDGS ngành không còn đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều này hoặc bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên thì Tổng thư ký HĐCDGS nhà nước đề nghị Chủ tịch HĐCDGS nhà nước xem xét, quyết định miễn nhiệm và bổ nhiệm người thay thế.

Điều 12. Thành lập HĐCDGS ngành

1. Hội đồng khoa học và đào tạo của cơ sở giáo dục đại học giới thiệu những người có đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 11 của Quy chế này để Thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học lựa chọn, đề cử bằng văn bản, có xếp theo thứ tự ưu tiên và gửi tới Văn phòng HĐCDGS nhà nước.

2. Tổng thư ký HĐCDGS nhà nước căn cứ danh sách đề cử của cơ sở giáo dục đại học và Chủ tịch HĐCDGS ngành để lựa chọn và lập danh sách các thành viên HĐCDGS ngành, trình Chủ tịch HĐCDGS nhà nước xem xét, quyết định.

3. Trong trường hợp đặc biệt, Chủ tịch HĐCDGS nhà nước có thể bổ nhiệm đặc cách một số thành viên HĐCDGS ngành không có tên trong danh sách đề cử của Thủ trưởng các cơ sở giáo dục đại học và Chủ tịch HĐCDGS ngành.

4. Chủ tịch HĐCDGS ngành do Chủ tịch HĐCDGS nhà nước bổ nhiệm; Phó chủ tịch HĐCDGS ngành, Ủy viên Thư ký HĐCDGS ngành và các Ủy viên HĐCDGS ngành do HĐCDGS ngành bầu và trình Chủ tịch HĐCDGS nhà nước phê duyệt.

Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐCDGS ngành

1. Xét và thẩm định tập thể hồ sơ của các ứng viên đã được HĐCDGS nhà nước chuyển đến thuộc ngành, liên ngành chuyên môn của HĐCDGS ngành được giao để đề nghị HĐCDGS nhà nước xem xét, công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh GS, PGS.

2. Xét và đề nghị HĐCDGS nhà nước hủy bỏ công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh GS, PGS của ứng viên đã được công nhận, nhưng bị phát hiện là không đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 8, Điều 9, Điều 10 của Quy định tiêu chuẩn, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh GS, PGS ban hành kèm theo

⁴ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 05/2014/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Chức danh giáo sư nhà nước, các Hội đồng Chức danh giáo sư ngành, liên ngành và Hội đồng Chức danh giáo sư cơ sở ban hành kèm theo Thông tư số 25/2013/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 4 năm 2014.

Quyết định số 174/2008/QĐ-TTg và Khoản 3, Khoản 4, Khoản 5 Điều 1 Quyết định số 20/2012/QĐ-TTg.

3. Tiếp nhận và xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo liên quan đến công việc của HĐCDGS ngành, báo cáo HĐCDGS nhà nước.

4. Trong trường hợp ứng viên đăng ký xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh GS là thành viên của HĐCDGS ngành thì thành viên này không tham gia phần trao đổi, thảo luận, đánh giá về hồ sơ của mình, nhưng vẫn được quyền tham gia bỏ phiếu tín nhiệm.

Điều 14. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch HĐCDGS ngành

1. Chủ trì các kỳ họp của HĐCDGS ngành.
2. Chủ trì giải quyết các công việc của HĐCDGS ngành giữa hai kỳ họp.
3. Chịu trách nhiệm trước HĐCDGS nhà nước về công việc của HĐCDGS ngành được phân công phụ trách.
4. Tham gia công việc của HĐCDGS ngành với tư cách thành viên Hội đồng.
5. Chỉ định và giao nhiệm vụ cho tổ giúp việc HĐCDGS ngành.
6. Hưởng phụ cấp kiêm nhiệm Chủ tịch HĐCDGS ngành.

Điều 15. Nhiệm vụ và quyền hạn của Phó Chủ tịch HĐCDGS

1. Thay mặt Chủ tịch HĐCDGS ngành thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 14 của Quy chế này khi được Chủ tịch HĐCDGS ngành ủy quyền (hoặc khi Chủ tịch HĐCDGS ngành vắng mặt).

2. Cùng với Chủ tịch và ủy viên Thư ký HĐCDGS ngành giải quyết các công việc của HĐCDGS ngành giữa hai kỳ họp của HĐCDGS ngành và theo phân công của Chủ tịch HĐCDGS ngành.

3. Tham gia công việc của HĐCDGS ngành với tư cách thành viên Hội đồng.

4. Hưởng phụ cấp kiêm nhiệm Phó Chủ tịch HĐCDGS ngành.

Điều 16. Nhiệm vụ và quyền hạn Ủy viên Thư ký HĐCDGS ngành

1. Giải quyết các công việc của HĐCDGS ngành theo sự phân công của Chủ tịch HĐCDGS ngành.

2. Trực tiếp phụ trách các hoạt động của tổ giúp việc HĐCDGS ngành.

3. Tham gia công việc của HĐCDGS ngành với tư cách thành viên Hội đồng.

4. Hưởng phụ cấp kiêm nhiệm Ủy viên thư ký HĐCDGS ngành.

Điều 17. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ủy viên HĐCDGS ngành

1. Giải quyết công việc của HĐCDGS ngành theo sự phân công của Chủ tịch HĐCDGS ngành.

2. Tham gia công việc của HĐCDGS ngành với tư cách thành viên Hội đồng.

3. Hưởng phụ cấp kiêm nhiệm Ủy viên HĐCDGS ngành.

Chương IV

HỘI ĐỒNG CHỨC DANH GIÁO SƯ CƠ SỞ

Điều 18. Tổ chức của HĐCDGS cơ sở

1. HĐCDGS cơ sở có từ 9 (chín) đến 17 (mười bảy) thành viên là GS hoặc PGS, trong đó có Chủ tịch Hội đồng, một Ủy viên Thường trực Hội đồng và các ủy viên HĐCDGS cơ sở.

2. Chủ tịch HĐCDGS cơ sở và Ủy viên Thường trực HĐCDGS cơ sở do HĐCDGS cơ sở bầu. Chủ tịch HĐCDGS cơ sở phải có chức danh GS. Trong trường hợp HĐCDGS cơ sở không có GS thì có thể bầu người có chức danh PGS làm Chủ tịch HĐCDGS cơ sở.

3. HĐCDGS cơ sở có tổ giúp việc do Chủ tịch hội đồng chỉ định.

4. Nhiệm kỳ hoạt động của HĐCDGS cơ sở là 1 (một) năm.

5. Kinh phí hoạt động của HĐCDGS cơ sở do cơ sở giáo dục đại học nơi có HĐCDGS cơ sở chi trả.

Điều 19. Tiêu chuẩn thành viên HĐCDGS cơ sở

1. Là GS hoặc PGS, có uy tín khoa học, đang tham gia đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và nghiên cứu khoa học.

2. Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, lý lịch rõ ràng; có trách nhiệm trong việc thẩm định, đánh giá hồ sơ xét công nhận, hủy bỏ công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh GS, PGS.

3⁵. Có đủ sức khỏe và thời gian để thực hiện nhiệm vụ của HĐCDGS cơ sở; tuổi của thành viên HĐCDGS cơ sở tính đến thời điểm được bổ nhiệm đối với thành viên có chức danh PGS không quá 67, đối với thành viên có chức danh GS không quá 70.

4⁶. Nếu thành viên HĐCDGS cơ sở bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên thì Thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học đề nghị Chủ tịch HĐCDGS nhà nước ra quyết định miễn nhiệm và bổ nhiệm người thay thế.

⁵ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 05/2014/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Chức danh giáo sư nhà nước, các Hội đồng Chức danh giáo sư ngành, liên ngành và Hội đồng Chức danh giáo sư cơ sở ban hành kèm theo Thông tư số 25/2013/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 4 năm 2014.

⁶ Khoản này được bổ sung theo quy định tại Khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 05/2014/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Chức danh giáo sư nhà nước, các Hội đồng Chức danh giáo sư ngành, liên ngành và Hội đồng Chức danh giáo sư cơ sở ban hành kèm theo Thông tư số 25/2013/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 4 năm 2014.

Điều 20. Điều kiện thành lập HĐCDGS cơ sở

1. Mỗi cơ sở giáo dục đại học có thể được thành lập một HĐCDGS cơ sở khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Có từ 15 (mười lăm) giảng viên trở lên (không kể giảng viên thỉnh giảng) có chức danh GS, PGS hoặc có học vị tiến sĩ, trong đó có ít nhất 7 (bảy) GS hoặc PGS;

b) Có ứng viên là giảng viên cơ hữu của cơ sở giáo dục đại học. Ứng viên của cơ sở giáo dục đại học không đồng thời là ủy viên HĐCDGS cơ sở;

c) Cơ sở giáo dục đại học đã hoàn thành đào tạo một khóa cao học hoặc nghiên cứu sinh.

2. Trong trường hợp cơ sở giáo dục đại học không đủ số lượng GS, PGS là giảng viên để thành lập HĐCDGS cơ sở thì việc thành lập HĐCDGS cơ sở được thực hiện như sau:

a) Mời một số GS hoặc PGS là giảng viên cơ hữu của một trường đại học và đang là giảng viên thỉnh giảng hoặc đang hướng dẫn luận án, luận văn tại cơ sở giáo dục đại học để thành lập HĐCDGS cơ sở; số thành viên mời là giảng viên thỉnh giảng không được quá 1/4 tổng số thành viên của Hội đồng;

b) Nếu tính cả số thành viên mời theo quy định tại điểm a, Khoản 2 Điều này mà vẫn chưa đủ 9 (chín) thành viên thì có thể chọn một ứng viên tham gia HĐCDGS cơ sở, nhưng ứng viên này không được làm Chủ tịch HĐCDGS cơ sở hoặc ủy viên thường trực HĐCDGS cơ sở.

3. Cơ sở giáo dục đại học có đủ 10 (mười) giảng viên (không kể giảng viên thỉnh giảng) có chức danh GS, PGS hoặc có học vị tiến sĩ, trong đó có ít nhất 3 (ba) GS hoặc PGS thì có thể kết hợp với cơ sở giáo dục đại học khác để thành lập HĐCDGS cơ sở. Số lượng cơ sở giáo dục đại học được liên kết để thành lập một HĐCDGS cơ sở không quá 02 (hai), được thủ trưởng của cả hai cơ sở giáo dục đại học đó nhất trí đề nghị bằng văn bản và cả hai cơ sở giáo dục đại học đều phải có ứng viên.

4. Một cơ sở giáo dục đại học có từ 10 (mười) mã số ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ trở lên có thể được thành lập một số HĐCDGS cơ sở, nếu mỗi HĐCDGS cơ sở có từ 9 (chín) giảng viên có chức danh GS hoặc PGS là thành viên trở lên (không kể thành viên mời) và mỗi HĐCDGS cơ sở có từ 3 (ba) ứng viên trở lên.

5⁷. Chủ tịch HĐCDGS nhà nước xem xét và quyết định cụ thể việc thành lập HĐCDGS cơ sở tại các cơ sở giáo dục đại học đào tạo các ngành nghệ thuật, thể dục thể thao và các trường hợp đặc biệt.

⁷ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 05/2014/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Chức danh giáo sư nhà nước, các Hội đồng Chức danh giáo sư ngành, liên ngành và Hội đồng Chức danh giáo sư cơ sở ban hành kèm theo Thông tư số 25/2013/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 4 năm 2014.

Điều 21. Quy trình thành lập HĐCDGS cơ sở

1. Hội đồng khoa học và đào tạo của các cơ sở giáo dục đại học có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 20 của Quy chế này giới thiệu những người có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 19 của Quy chế này để tham gia HĐCDGS cơ sở. Thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học căn cứ danh sách giới thiệu của Hội đồng khoa học và đào tạo, lựa chọn dự kiến danh sách thành viên hội đồng và làm hồ sơ đề nghị HĐCDGS nhà nước thành lập HĐCDGS cơ sở.

2. Tổng thư ký HĐCDGS nhà nước xem xét hồ sơ đề nghị của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trình Chủ tịch HĐCDGS nhà nước quyết định thành lập HĐCDGS cơ sở và bổ nhiệm các thành viên HĐCDGS cơ sở.

3. Sau khi có quyết định thành lập HĐCDGS cơ sở và bổ nhiệm các thành viên HĐCDGS cơ sở, Thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học tổ chức họp HĐCDGS cơ sở để bầu Chủ tịch và Ủy viên Thường trực HĐCDGS cơ sở; gửi báo cáo tới Chủ tịch HĐCDGS nhà nước về kết quả bầu Chủ tịch và Ủy viên Thường trực HĐCDGS cơ sở để được phê duyệt.

Điều 22. Nhiệm vụ quyền hạn của HĐCDGS cơ sở

1. Xét đề đề nghị HĐCDGS nhà nước xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh GS hoặc PGS cho các ứng viên là giảng viên của cơ sở giáo dục đại học và những ứng viên được HĐCDGS nhà nước giới thiệu đến.

2. Xét, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo liên quan đến việc xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh GS, PGS của HĐCDGS cơ sở và báo cáo HĐCDGS nhà nước.

Điều 23.⁸ (được bãi bỏ)

⁸ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 05/2014/TT-BGDĐT sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Chức danh giáo sư nhà nước, các Hội đồng Chức danh giáo sư ngành, liên ngành và Hội đồng Chức danh giáo sư cơ sở ban hành kèm theo Thông tư số 25/2013/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 14 tháng 4 năm 2014.